

Bản án số: 85/2020/DS- ST

Ngày 09/11/2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng góp hụi và
tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Bá Đức

2. Ông Lê Văn Ty

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Lại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 184/2020/TLST-DS, ngày 28/7/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi và tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 297/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc N, sinh: 1950.

Địa chỉ: ấp A, xã Ph, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Bà N ủy quyền cho anh Nguyễn Văn Ph, sinh: 1976. Trú tại: khu phố 5, thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia tố tụng.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị V (Ch), sinh: 1970.

Địa chỉ: ấp H, xã Ph, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Tạm trú: ấp Đ, xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cùng với các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa đại diện nguyên đơn anh Nguyễn Văn Ph trình bày:

Bà Nguyễn Ngọc N có cho bà Lê Thị V (Ch) mượn tiền, vay tài sản và góp hụi, cụ thể như sau:

Về hụi:

- Dây 1: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 20/10/2018 gồm 21 phần, bà V tham gia 02 phần, bà V đã hốt và còn lại 04 tháng không đóng hụi chết, nợ 8.000.000 đồng.

- Dây 2: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 20/10/2018 gồm 21 phần, bà V tham gia 02 phần, bà V đã hốt và còn lại 04 tháng không đóng hụi chết, nợ 8.000.000 đồng.

- Dây 3: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 15/8/2019 gồm 23 phần, bà V tham gia 01 phần, bà V đã hốt và còn lại 15 tháng không đóng hụi chết, nợ 15.000.000 đồng.

- Dây 4: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 15/8/2019 gồm 23 phần, bà V tham gia 01 phần, bà V đã hốt và còn lại 15 tháng không đóng hụi chết, nợ 15.000.000 đồng.

- Dây 5: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 01/7/2018 gồm 25 phần, bà V tham gia 01 phần, bà V đã hốt và còn lại 04 tháng không đóng hụi chết, nợ 4.000.000 đồng.

- Dây 6: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 01/7/2018 gồm 25 phần, bà V tham gia 01 phần, bà V đã hốt và còn lại 04 tháng không đóng hụi chết, nợ 4.000.000 đồng.

- Dây 7: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 25/11/2019 gồm 24 phần, bà V tham gia 01 phần, bà V đã hốt và còn lại 19 tháng không đóng hụi chết, nợ 19.000.000 đồng.

- Dây 8: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 25/11/2019 gồm 24 phần, bà V tham gia 01 phần, bà V đã hốt và còn lại 19 tháng không đóng hụi chết, nợ 19.000.000 đồng.

- Dây 9: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 25/11/2019 gồm 24 phần, bà V tham gia 01 phần, bà V đã hốt và còn lại 19 tháng không đóng hụi chết, nợ 19.000.000 đồng.

Tổng cộng các dây hụi bà V thiếu bà N 111.000.000 đồng.

Về tiền cho mượn:

- Ngày 15/8/2019: Mượn 50.300.000 đồng số tiền bà N hốt hụi 44.000.000 đồng của dây hụi ngày 15/8/2019 và mượn thêm 6.300.000 đồng tiền mặt, thời hạn 10 ngày nhưng đến nay chưa trả.

- Ngày 10/4/2019: Mượn 24.600.000 đồng số tiền bà N hốt hụi 23.000.000 đồng của dây hụi 1.000.000 đồng và mượn thêm 1.650.000 đồng tiền mặt, thời hạn 10 ngày nhưng đến nay chưa trả.

- Ngày 10/5/2018: Mượn 13.000.000 đồng số tiền bà N hốt hụi 12.000.000 đồng của dây hụi 500.000 đồng và mượn thêm 1.000.000 đồng tiền mặt, thời hạn 10

ngày nhưng đến nay chưa trả.

- Ngày 20/01/2019: Mượn 8.500.000 đồng số tiền bà N hót hụi 8.000.000 đồng của dây hụi ngày 20/01/2019 và mượn thêm 500.000 đồng tiền mặt, thời hạn 10 ngày nhưng đến nay chưa trả.

Tổng cộng bà V mượn bà N: 96.400.000 đồng.

Về tiền cho vay: Tính đến ngày 03/4/2020 tổng số tiền bà N cho bà V vay là 411.060.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 01%/tháng, bà V cam kết sẽ bán nhà đất để trả các khoản tiền nợ trước đó nhưng khi bán nhà bà V né tránh không trả.

Nay, yêu cầu bà Lê Thị V (Ch) có nghĩa vụ trả số tiền gốc là 618.510.000 đồng (bao gồm tiền hụi, tiền mượn và tiền vay) và yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng đến ngày xét xử xong. Tính từ ngày 01/5/2020 đến ngày 01/11/2020 là 06 tháng $\times 0,83\% \times 618.510.000$ đồng = 30.801.798 đồng. Làm tròn yêu cầu trả tổng cộng là: 649.311.000 đồng. Về yêu cầu phản tố của bà V cần trừ nguyên đơn không đồng ý.

Theo đơn phản tố, bản khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa bà Lê Thị V trình bày:

Ngày 11/11/2015 âm lịch bà có chơi hụi với bà N, bà tham gia tổng cộng 09 dây hụi, mỗi dây 1.000.000 đồng, do không có tiền đóng hụi nên tiền hụi, tiền lời và tiền lãi nhập vô. Bà có hót 03 phần hụi 1.000.000 đồng của bà N với số tiền 60.000.000 đồng nhưng bà N không giao nhưng kêu bà đóng hụi chết 20 tháng, phần hụi mượn 50.300.000 đồng bà trả rồi nhưng bà N không trừ vào khoản nợ bà còn thiếu, số tiền 18.200.000 đồng tính rồi mà bà N tính thêm lần nữa.

Bà thừa nhận có ký tên vào 02 giấy nợ, cụ thể: Tờ 01 nợ 212.000.000 đồng, tờ 02 nợ 311.060.000 đồng. Tổng số tiền nợ là 523.060.000 đồng. Do đó, phần bà N tính lộn với số tiền 128.500.000 đồng bà N phải trừ vào số tiền bà còn nợ. Nay, bà chỉ thừa nhận còn thiếu bà N số tiền là: 523.060.000 đồng – 128.500.000 đồng = 394.560.000 đồng. Yêu cầu trừ tiếp số tiền 20.000.000 đồng tính lộn 02 giấy ghi tháng 5, tháng 6 âm lịch và ghi tháng 11 năm 2018.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự là đúng theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc N đối với bà Lê Thị V thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng góp hui và tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

[1.2] Bà Lê Thị V có nơi cư trú tại xã Ph, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn Nguyễn Ngọc N khởi kiện buộc bị đơn bà Lê Thị V có nghĩa vụ trả số tiền hui và tiền vay tổng cộng là 618.510.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 01/5/2020 đến ngày xét xử. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà N đã giao nộp tài liệu chứng cứ để chứng minh là giấy khai hui, giấy giao hui, giấy mượn tiền, biên nhận...từ bút lục 20 đến 43, bút lục 60, 61, 64.

Bị đơn bà Lê Thị V chỉ thừa nhận có ký tên vào 02 giấy nợ 212.000.000 đồng và giấy nợ 311.060.000 đồng (tổng cộng nợ là 523.060.000 đồng). Tuy nhiên, bà V cho rằng bà N tính lộn số tiền nợ 20.000.000 đồng của 02 giấy ghi tháng 5, tháng 6 âm lịch với giấy ghi tháng 11 năm 2018; chưa giao số tiền 60.000.000 đồng bà hốt 03 chung hui; đã trả 50.300.000 đồng tiền hui mượn nhưng bà N không trừ vào số tiền bà còn nợ; số tiền thiếu 18.200.000 đồng bà N tính 02 lần. Như vậy, bà chỉ thừa nhận còn thiếu bà N số tiền là: 523.060.000 đồng – 148.500.000 đồng = 374.560.000 đồng. Để chứng minh bà giao nộp các tài liệu, chứng cứ được đánh số bút lục từ 50 đến 53, bút lục số 78.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác nhận 02 giấy nợ là do bị đơn ký thừa nhận cũng như giấy giao 03 chung hui, các tài liệu chứng cứ chứng minh đã giao nộp cho Tòa án kèm theo đơn khởi kiện. Nguyên đơn không thừa nhận bị đơn có trả số tiền nào cho nguyên đơn và cũng không có chứng cứ chứng minh bà V trả số tiền 50.300.000 đồng, các giấy xác nhận số tiền bà V thiếu đã có giấy xác nhận của bà V.

Đối với yêu cầu cản trừ của bị đơn với số tiền 148.500.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các tài liệu chứng cứ của nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và cũng đã ra thông báo về việc giao nộp tài liệu chứng cứ cho bị đơn cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Tuy nhiên bị đơn không có bất kỳ tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu phản tố của mình và phản bác các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn giao nộp nên không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc bị đơn bà Lê Thị V (Ch) có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Ngọc N số tiền là gốc là 618.510.000 đồng (bao gồm tiền hui, tiền mượn và tiền vay).

Về tiền lãi: Giấy vay tiền đến ngày 03/4/2020 các bên không ghi nội dung các bên thỏa thuận có lãi nhưng đến hạn trả nợ bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả của bị đơn. Mặc khác, tại phiên tòa hôm nay bà V cũng cho rằng hai bên có thỏa thuận lãi suất và đến tháng 3/2020 không có đóng lãi nữa và do không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ, tương đương 0,83%/tháng. Yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất là 0,83%/tháng là không vượt quá mức lãi suất quy định. Do đó, số tiền lãi được tính từ thời gian vay đến ngày xét xử được tính như sau: Nguyên đơn không yêu cầu tính lẽ ngày chỉ tính đến 01/11/2020 là 06 tháng x 0,83% x 618.510.000 đồng = 30.801.798 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà bà V có nghĩa vụ trả cho bà N là 649.311.000 đồng là phù hợp.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đương sự có nghĩa vụ nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 116, 138, 280, 351, 463, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc N đối với bà Lê Thị V (Ch).

Cụ thể tuyên:

Buộc bà Lê Thị V (Ch) có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Ngọc N số tiền là 649.311.000 đồng (*Sáu trăm bốn mươi chín triệu ba trăm mười một nghìn*) đồng.

Kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Bà Lê Thị V (Ch) có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 20.000.000 đồng + 4%(249.311.000 đồng) = 29.924.000 (*Hai mươi chín triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn*) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền đã tạm

ứng 3.213.000 đồng theo biên lai thu số 0002861 ngày 28/9/2020, bà V (Ch) còn phải nộp tiếp với số tiền 26.711.000 (Hai mươi sáu triệu bảy trăm mười một nghìn) đồng.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mô Cày Nam.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- CCTHADS huyện Mô Cày Nam.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Minh Trí